TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐA** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 16/2019/DS-ST. Ngày: 22/05/2019. *Về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐA - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Ngọc Lân.
- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Dương Xuân Đính.
2. Ông Phạm Mạnh Hà.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐA

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐA tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 05 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐA, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 141/2018/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2018, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXX-ST ngày 08 tháng 04 năm 2019; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên toà ngày 16 tháng 04 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên toà số 17/2019/QĐHPT-ST ngày 03 tháng 05 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn Th - Sinh năm 1970; trú tại: Thôn CK, xã NgKh, huyện ĐA, Thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Bà Tô Thị Bích Ng (tức Tô Thị Ngt) - Sinh năm 1972; trú tại: Xóm Đ, thôn KhN, xã NgKh, huyện ĐA, Thành phố Hà Nội.

Có mặt: Ông Th, bà Ng (tức Ngt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ghi ngày 10 tháng 08 năm 2018; Đơn khởi kiện vụ án dân sự đòi tiền cho vay ghi ngày 01 tháng 10 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn là ông Trần Văn Th trình bày:

Ông và bà Tô Thị Bích Ng (còn có tên gọi là Ngt) có quan hệ gia đình bên ngoại với nhau và ở cùng địa phương.

Ngày 07 tháng 09 năm 2012, bà Ng đặt vấn đề vay của ông số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) để làm vốn, ông đồng ý và cho bà Ng vay số

tiền trên trong thời hạn 01 tháng thì trả. Bà Ng có ký với ông 01 bản Hợp đồng vay tiền để ông giữ. Quá thời hạn trả nợ theo thoả thuận, bà Ng không trả tiền cho ông, ông đã đòi nhiều lần nhưng bà Ng đều khất lần, đến tháng 05 năm 2018 thì bà Ng không những không trả mà còn có thái độ thách thức, buộc ông phải làm đơn tố cáo ra Công an huyện ĐA để giải quyết. Ngày 31 tháng 08 năm 2018, Công an huyện đã làm việc với ông và xác định giao dịch cho nhau vay tiền ngày 07 tháng 09 năm 2012 giữa hai bên chỉ là thoả thuận dân sự, hướng dẫn ông làm đơn khởi kiện đến Toà án.

Nay ông yêu cầu bà Ng có trách nhiệm trả cho ông khoản tiền vay trên mà không yêu cầu bà Ng trả lãi suất.

Tại Bản tự khai ngày 13 tháng 12 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án tại Toà án, bị đơn trong vụ án là bà Tô Thị Bích Ng (tức Ngt) trình bày: Bà công nhận có vay tiền của ông Trần Văn Th nhưng thời gian vay vào khoảng năm 2009 - 2010, số tiền vay là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), với mức lãi suất trả 7000đ/1triệu/1ngày, vay không thời hạn mà khi nào có thì trả. Khi vay tiền, hai bên chỉ thoả thuận miệng mà không có giấy tờ gì, ông Th tự tay ghi vào sổ cá nhân của ông để theo dõi.

Quá trình vay tiền của ông Th, bà trả nợ lãi đều đặn đến năm 2012, gia đình bà chuẩn bị cưới con nên không trả được nợ lãi cho ông Th trong 02 tháng, bà có xin ông Th cho trả dần nợ gốc mà không phải trả lãi nữa, ông Th đồng ý. Theo thoả thuận đó, trong năm 2012 bà đã trả cho ông Th nhiều lần tiền và đã trả hết khoản nợ vay 50.000.000 đồng nên bà không còn nợ ông Th tiền nữa, bà không chấp nhận yêu cầu đòi nợ của ông Th. Bà không công nhận chữ ký và chữ viết tên của bà là Tô Thị Ngt trong "Hợp đồng vay tiền" ghi ngày 07 tháng 09 năm 2012 do ông Th nộp tại Toà án.

Tại phiên tòa, các đương sự trong vụ án vẫn giữ nguyên lời khai yêu cầu và quan điểm về việc giải quyết tranh chấp như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐA, Thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện hoàn toàn đầy đủ các qui định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá tình giải quyết, xét xử vụ án.

- Nguyên đơn là ông Trần Văn Th đã chấp hành đầy đủ, nghiêm túc các thông báo và quyết định tố tụng của Toà án; Bị đơn là bà Tô Thị Bích Ng (tức Ngt) không chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Xác định yêu cầu đòi tiền cho vay của ông Th đối với bà Ng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Tô Thị Bích Ng (tức Ngt) có trách nhiệm trả ông Trần Văn Th 100.000.000 đồng; ghi nhận sự tự nguyện của ông Th không yêu cầu bà Ng trả lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn trong vụ án là ông Trần Văn Th khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bị đơn là bà Tô Thị Bích Ng (tức Ngt) trả cho ông số tiền bà Ng vay theo Hợp đồng vay tiền ngày 07 tháng 09 năm 2012; Bị đơn trong vụ án là bà Tô Thị Bích Ng (tức Ngt) không công nhận chữ ký, chữ viết Tô Thị Ngt có trong hợp đồng vay tiền là của bà. Toà án đã 02 lần ban hành Thông báo về việc giao nộp tài liệu, chứng cứ và tống đạt hợp lệ cho bà Ng nhưng bà Ng không thực hiện, vì vậy, Toà án không có cơ sở để xem xét, giải quyết việc bà Ng cho rằng chứng cứ ông Th nộp là giả mạo.

Toà án đã thẩm tra, xác minh về tên gọi của bị đơn trong vụ án tại Ban Công an xã NgKh, kết quả xác định: Bà Tô Thị Bích Ng - Sinh ngày 15 tháng 02 năm 1972, trú quán: Xóm Đ, thôn KhN, xã NgKh, huyện ĐA, Thành phố Hà Nội còn có tên gọi là Ngt, có chồng là ông Phạm Xuân H (sinh năm 1971, trú tại: Xóm Đ, thôn KhN, xã NgKh, huyện ĐA) và đúng là người bị ông Trần Văn Th khởi kiện đòi tiền tại Toà án.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Nguyên đơn trong vụ án là ông Trần Văn Th khẳng định ông cho bà Tô Thị Bích Ng (tức Ngt) vay 100.000.000 đồng từ ngày 07/09/2012, đến nay bà Ng chưa trả. Ông không công nhận việc bà Ng (tức Ngt) khai bà vay lãi của ông 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) từ năm 2009-2010 và đã trả hết nợ trong năm 2012; Bị đơn là bà Tô Thị Bích Ng (tức Ngt) cho rằng bà có vay của ông Th 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) từ năm 2009-2010 với mức lãi suất là 7000đ/1triệu/1ngày, bà có ký vào sổ tay của ông Th, không công nhận chữ ký, chữ viết của bà trong "Hợp đồng vay tiền" ngày 07 tháng 09 năm 2012 đã dẫn đến tranh chấp giữa hai bên.

Theo tài liệu, chứng cứ là: "Hợp đồng vay tiền" lập ngày 07 tháng 09 năm 2012 do ông Trần Văn Th nộp tại Toà án có nội dung thể hiện:

"Hôm nay, ngày 07 tháng 9 năm 2012.

A- Bên cho vay (gọi là bên A):

Họ tên: Trần Văn Th

Địa chỉ: CKh, NgKh.

B- Bên vay tiền (gọi là bên B):

Tên tôi là: Tô Ánh Ngt - Sinh năm 1971.

ĐTDĐ: 0978.605.900.

Có vay của anh Trần Văn Th số tiền là 100.000.000đ. Bằng chữ: (Một trăm triệu đồng chẵn).

Trong tình trạng có sức khoẻ tốt, không đau ốm, bệnh tật, không say rượu bia, tinh thần minh mẫn và hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc hay sức ép nào khác và mục đích vay tiền là để kinh doanh, phát triển kinh tế gia đình.

C- Tài sản thế chấp:

D- Thời gian vay tiền: từ ngày 7/9/2012 đến ngày 7/10/2012.

E- Cam kết: nếu đến ngày 7/10/2012 mà chị Ngt không trả được anh Trần Văn Th đầy đủ số tiền trên theo đúng kỳ hạn đã cam kết thì chị Nguyệt xin chịu trách nhiệm đầy đủ bằng hiện vật như: Đất đai, vườn, nhà ở, đồ dùng cá nhân, gia đình như ô tô xe máy, ti vi, tủ lạnh.. và mọi đồ vật có giá trị qui đổi ra bằng tiền mặt tương ứng với số tiền vay và chịu mọi trách nhiệm trước gia đình và pháp luật về mọi hành vi, sai phạm của chị Nguyệt và không có bất cứ khiếu nại gì. Hợp đồng vay tiền này được lập vào lúc 10 giờ ngày 7 tháng 9 năm 2012 tại nhà anh Trần Văn Th và đã được đọc rõ cho hai bên cùng nghe, cùng thống nhất hợp đồng vay tiền này. Giấy vay tiền này được lập thành 02 bản mỗi bên giữ một bản có giá trị pháp lý như nhau.

Bên B đã nhận đủ số tiền và ký tên Bên A ký tên

Nguyệt. Tô Thị Ngt Thành. Trần Văn Th".

Hội đồng xét xử thấy: Giao dịch vay tiền giữa ông Trần Văn Th và bà Tô Thị Bích Ng (tức Ngt) là có thực. Hợp đồng vay tiền giữa hai bên ngày 07 tháng 09 năm 2012 được xác lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc, không trái đạo đức xã hội phù hợp qui định tại các Điều: 116, 117 và 118 của Bộ luật Dân sự. Do bà Ng vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ông Th khởi kiện đòi tiền cho vay là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 và 470 của Bộ luật Dân sự. Ông Th không yêu cầu bà Ng phải trả tiền lãi suất chậm trả của số tiền vay từ ngày 07 tháng 10 năm 2012 đến nay là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về quyền quyết định và quyền tự định đoạt của đương sự nên ghi nhận.

Bà Ng khai xác định về giao dịch vay và trả tiền giữa bà và ông Th như nêu trên nhưng không được ông Th công nhận, bà không có tài liệu, chứng cứ hoặc người làm chứng để chứng minh. Bà Na cho rằng chứng cứ là "Hợp đồng vay tiền" lập ngày 07 tháng 09 năm 2012 do ông Trần Văn Th nộp tại Toà án là giả mạo, nhưng bà không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo thông báo của Toà án, do đó, Toà án không thực hiện được việc trưng cầu giám định tài liệu, chứng cứ bị cho là giả mạo, bà Ng phải chịu hậu quả do việc không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70; Điều 72; khoản 1 Điều 102, Điều 103 và Điều 160 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Th được Toà án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên ông được hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp; bà Ng (tức Nguyệt) phải chịu cả án phí để sung công quỹ Nhà nước.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 116 ; Điều 117 ; Điều 118 ; khoản 1 Điều 466 và khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

- Điều 5; khoản 3 Điều 26; Điều 220; Điều 227; Điều 233; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết.

- Luật Thi hành án dân sự;

Xử:

1/ Chấp nhận Đơn khởi kiện đòi tiền cho vay của ông Trần Văn Th đối với bà Tô Thị Bích Ng (tức Tô Thị Ngt).

2. Buộc bà Tô Thị Bích Ng (tức Tô Thị Ngt) có trách nhiệm trả cho ông Trần Văn Th 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) tiền vay theo "Hợp đồng vay tiền" lập ngày 07 tháng 09 năm 2012.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Văn Th không yêu cầu bà Tô Thị Bích Ng (tức Tô Thị Ngt) phải trả tiền lãi suất chậm trả từ ngày 07 tháng 10 năm 2012 đến nay.

4. Về án phí: Bà Tô Thị Bích Ng (tức Tô Thị Ngt) phải nộp 5.000.000đ (Năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

- Trả lại cho ông Trần Văn Th 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2016/0001915 ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Trần Văn Th và bà Tô Thị Bích Ng (tức Tô Thị Ngt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tại thời điểm trả nợ đối với khoản tiền chưa thanh toán, tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp Quyết định thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện ĐA;
- TAND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện ĐA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Ngọc Lân